

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 08/2021/HNGĐ - ST
Ngày 05/7/2021
Về việc *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phùng Thị Tố Trinh và bà Tạ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Buôn Choanh, xã Uar, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt, đã có đơn xin được xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Hòa Quang Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Buôn Choanh, xã Uar, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt, đã có đơn xin được xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng cũng như trong đơn xin được xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1994, chị và anh Th có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều quan điểm trái ngược nhau và không thể giải quyết được. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có cùng quan điểm, chí hướng làm ăn, không có tiếng nói chung, giữa chị và anh Th đã nhiều lần hòa giải để quay về đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai không công nhận chị và anh Hòa Quang Th là vợ chồng.

Về con: Chị và anh Th có 02 con chung là Hòa Thị L, sinh ngày 04/6/1997; Hòa Quang Mạnh Đ, sinh năm 02/6/1999. Các con đều đã lớn, trưởng thành và có thể tự lập được cuộc sống của mình nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2021 và trong đơn xin được xét xử vắng mặt, anh Hòa Quang Th trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống vợ chồng và về con chung của anh và chị Đ như chị Đ trình bày là đúng sự thật. Anh và chị Đ có đám cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị Đ không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân này thì anh cũng đồng ý theo nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Đ.

Về con: Giữa anh và chị Đ có 02 con chung là Hòa Thị L, sinh ngày 04/6/1997; Hòa Quang Mạnh Đ, sinh năm 02/6/1999. Các con đều đã lớn, trưởng thành và có thể tự lập được cuộc sống của mình nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn từ đó đến nay và đã có 02 con chung. Sau đó, chị Đ và anh Th có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng lại không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Th không hợp pháp nên đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về con: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th có 02 con chung là Hòa Thị L, sinh ngày 04/6/1997; Hòa Quang Mạnh Đ, sinh năm 02/6/1999. Các con đều đã lớn, trưởng thành và có thể tự lập được cuộc sống của mình nên chị Đ và anh Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập đến nữa.

Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Còn đối với anh Hòa Quang Th và chị Nguyễn thị Đ đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn, bị đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên từ năm 1994 cho đến nay và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã có 02 con chung. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị Đ và chị Th hiện tại không còn chung sống với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh Th tại buôn Choanh, xã Uar, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 02/6/2021 thì được biết trong cuộc sống của chị Đ và anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp. Và tiến hành xác minh tại UBND xã Uar, UBND xã Chư Răm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai và phòng Tư pháp huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai là những nơi anh Hòa Quang Th, chị Nguyễn Thị Đ cư trú trước đây về việc đăng ký kết hôn giữa anh Hòa Quang Th, chị Nguyễn Thị Đ. Kết quả xác minh cho thấy anh Hòa Quang Th, chị Nguyễn Thị Đ không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”.

Như vậy, chị Đ và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Th là không hợp pháp nên phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh Th là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] *Về con*: chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th có 02 con chung là Hòa Thị L, sinh ngày 04/6/1997; Hòa Quang Mạnh Đ, sinh năm 02/6/1999. Các con đều đã lớn, trưởng thành và có thể tự lập được cuộc sống của mình, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX không đề cập đến nữa.

[4] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập đến nữa.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng các Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007669 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hòa Quang Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Pa;
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Krông Pa;
- UBND xã Uar, huyện Krông Pa;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep